

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẬP
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30/12/2024

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẬP, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1 Ông Trần Quốc Hùng

2. Bà Nguyễn Phương Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Huy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 30/12/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2024/TLST- HNGĐ ngày 11/10/2024 về việc “Tranh chấp Hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13/12/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Ngọc T, sinh năm 1978; địa chỉ: Khu T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Dương Văn P, sinh năm 1976, địa chỉ: Khu T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Phú Thọ

(Chị T, anh P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn là chị Bùi Ngọc T trình bày: Chị và anh Dương Văn P có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 12/10/2000 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Sau kết hôn, hai vợ chồng về chung sống với nhau tại nhà riêng ở khu T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Phú Thọ. Cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh P hạnh phúc

trong khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, hai vợ chồng hay cãi chửi nhau, đánh nhau. Chị và anh Dương Văn P đã ly thân được khoảng 5 năm nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh Dương Văn P.

Về con chung: Chị Bùi Ngọc T xác định chị và anh Dương Văn P có một con chung là cháu Dương Văn M, sinh ngày 28/12/2001. Hiện nay cháu M đã trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Chị Bùi Ngọc T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phía anh Dương Văn P có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nhưng trong lời khai thể hiện quan điểm của mình như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí với chị T về thời gian, điều kiện, sự tự nguyện trong hôn nhân giữa anh với chị T. Anh P xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn từ năm 2017 do chị T đi làm ăn xa và từ đó khoảng cách của vợ chồng ngày càng lớn. Anh và chị T đã ly thân được khoảng 7 năm nhưng nay chị T đề nghị ly hôn anh vẫn mong muốn 0vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Anh Dương Văn P xác định anh và chị Bùi Ngọc T có một con chung là cháu Dương Văn M, sinh ngày 28/12/2001. Hiện nay cháu M đã trưởng thành nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Anh Dương Văn P không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng cũng như việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ của người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271, khoản 1 và khoản 3 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Ngọc T.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Ngọc T được ly hôn với anh Dương Văn P.

- Về con chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Bùi Ngọc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa chị Bùi Ngọc T và anh Dương Văn P. Bị đơn là anh Dương Văn P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Phú Thọ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Chị Bùi Ngọc T và anh Dương Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Bùi Ngọc T và anh Dương Văn P là phù hợp.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Ngọc T và anh Dương Văn P có đăng ký kết hôn với nhau ngày với nhau vào ngày 12/10/2000 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc trong khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn qua xác minh tại chính quyền địa phương và bản thân chị T và anh P đều xác định trong cuộc sống vợ chồng của anh, chị phát sinh những mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống không thể hòa giải được dẫn đến việc vợ chồng đã ly thân nhiều năm không ai quan tâm đến ai nữa. Do vậy, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Văn P. Tuy nhiên, phía anh P vẫn mong muốn vợ chồng về hàn gắn đoàn tụ cùng nhau nhưng bản thân anh cũng không có biện pháp nào để hàn gắn quan hệ gia đình. Xét thấy cuộc sống chung giữa chị T và anh P mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Bùi Ngọc T đề nghị ly hôn với anh Dương Văn P là có căn cứ. Do vậy, cần xử cho chị Bùi Ngọc T ly hôn với anh Dương Văn P là phù hợp.

Về con chung: Chị Bùi Ngọc T và anh Dương Văn P xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Dương Văn M, sinh ngày 28/12/2001. Hiện nay cháu M đã trưởng thành nên chị T và anh P không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Chị Bùi Ngọc T và anh Dương Văn P không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Ngọc T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271, khoản 1 và khoản 3 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Ngọc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Ngọc T được ly hôn với anh Dương Văn P.

2. Về con chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp gia đình: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Ngọc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006458 ngày 11/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ. Xác nhận chị Bùi Ngọc T đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Ngọc T và anh Dương Văn P vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã T, h.Y
(Đăng ký kết hôn ngày 12/10/2000);
- Dương sự;
- Lưu HSVA, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thu Trang

